

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẢO LÂM
TỈNH LÂM ĐỒNG**

Bản án số: **31/2022/HS-ST**

Ngày: 17 - 5 - 2022.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO LÂM - TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Đức Trường**

Các Hội thẩm nhân dân: + Ông **Lê Hùng Anh**

+ Ông **Trần Tô Nhân**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Trương Quang Vũ** - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Thanh Linh** - Kiểm sát viên.

Ngày **17** tháng **5** năm **2022** tại Hội trường Ủy ban nhân dân xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm lưu động công khai vụ án hình sự thụ lý số 20/2022/TLST-HS ngày 20 tháng 4 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 25/2022/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 5 năm 2022 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Minh T**; Tên gọi khác: không; Sinh năm: 1982; Nơi sinh: tỉnh Lâm Đồng; Nơi ĐKNKTT và chỗ ở: Thôn A, xã L, Thành phố B, tỉnh Lâm Đồng; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: không biết chữ; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Phật giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Thanh S (đã chết); Con bà: Đặng Thị Bích H, sinh năm: 1966; Vợ: (chung sống như vợ chồng, chưa đăng ký kết hôn) Huỳnh Thị Bé G, sinh năm: 1986; Con: có 01 người con sinh năm 2010; Tiền án: Tại Bản án số 153/2019/HS-ST ngày 29/11/2019 của Tòa án nhân dân Thành phố B xử phạt bị cáo 15 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Ngày 22/12/2020, bị cáo đã chấp hành xong hình phạt, tính đến thời điểm ngày 08/01/2022 bị cáo chưa được xóa án tích; Tiền sự: Tại Quyết định số 84/QĐ-UBND ngày 23/3/2021 của UBND xã L, Thành phố B áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn đối với Nguyễn Minh T trong thời hạn 03 tháng kể từ tháng 03/2021; Nhân thân: Tại Bản án số 42/2016/HSST ngày 27/5/2016 của Tòa án nhân dân Thành phố B xử phạt bị cáo 15 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật

hình sự năm 1999, bị cáo đã chấp hành xong hình phạt. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 08/01/2022 đến nay tại Nhà tạm giữ Công an huyện B. *Bị cáo có mặt tại phiên tòa.*

*** Người bị hại:** Cháu **Võ Bảo Ch**, sinh ngày: 01/9/2014. Địa chỉ: Thôn 15, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng. *(có mặt).*

+ *Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cháu Ch:* Bà **Hoàng Thị H**- là Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lâm Đồng. Địa chỉ: Số 31A đường L, Phường 1, Thành phố B, tỉnh Lâm Đồng. *(có mặt).*

+ *Người đại diện hợp pháp của cháu Ch:* Anh **Võ Thành Tr** (bố), sinh năm: 1984 và chị **Phạm Thị H1** (mẹ), sinh năm: 1986. Địa chỉ: Thôn 15, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng. *(có mặt).*

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Anh **Võ Thành Tr**, sinh năm: 1984. Địa chỉ: Thôn 15, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng. *(có mặt).*

2. Anh **Trần Đức T1**, sinh năm: 1992. Địa chỉ: Số 108 đường N, phường L, Thành phố B, tỉnh Lâm Đồng. *(có mặt).*

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 10 giờ ngày 08/01/2022, Nguyễn Minh T điều khiển xe mô tô hiệu Yamaha Mio, biển kiểm soát 49M6-1154 đến xã L, huyện B để trộm cắp tài sản. Khi đi qua nhà của anh Võ Thành Tr thấy cháu Võ Bảo Ch, sinh ngày 01/9/2014 là con anh Tr đang đứng trước nhà chơi, trên tay cầm điện thoại di động cảm ứng hiệu OPPO A93 nên nảy sinh ý định chiếm đoạt. T điều khiển xe lại gần cháu Ch, dừng xe lại nhưng vẫn để máy hoạt động để tiếp cận tài sản, T hỏi mượn điện thoại của cháu Ch để gọi cho vợ thì được Ch đưa điện thoại. Sau đó, T nói Ch nhặt giúp vỏ bao phía sau, Ch quay lại để nhặt vỏ bao cho T thì T bỏ điện thoại vào túi quần và tăng ga xe bỏ chạy về hướng Thành phố B. Sau khi chiếm đoạt được điện thoại, T mang bán cho anh Trần Đức T1 được số tiền 1.500.000đ, T sử dụng 580.000đ vào mục đích cá nhân, còn lại số tiền 920.000đ. Sau khi được Cơ quan điều tra mời làm việc, T thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và giao nộp số tiền 920.000đ bán điện thoại mà có.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 04/KL-HĐĐGTS ngày 08/02/2022 của Hội đồng định giá tài sản tổ tụng hình sự huyện B kết luận: 01 điện thoại di động hiệu OPPO A93 đã qua sử dụng trị giá 1.500.000đ.

Tại bản Cáo trạng số 26/CT-VKSBL ngày 20 tháng 4 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện B truy tố bị cáo Nguyễn Minh T về tội “*Cướp giật tài sản*” theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

+ Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên nội dung cáo trạng đã truy tố.

Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Minh T phạm tội “*Cướp giật tài sản*”; Đề nghị áp dụng điểm g khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Minh T từ 04 năm đến 05 năm tù;

Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị về xử lý vật chứng và án phí hình sự sơ thẩm.

+ Bị cáo Nguyễn Minh T đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội đúng như cáo trạng đã truy tố.

+ Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo nhận thấy hành vi của bị cáo là sai. bị cáo là người có hoàn cảnh gia đình khó khăn... nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

+ Bà Hoàng Thị H là người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị hại Võ Bảo Ch

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện B; Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện B; Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi của bị cáo thể hiện:

Vào khoảng 10 giờ ngày 08/01/2022, tại Thôn 15, xã L, huyện B, Nguyễn Minh T có hành vi cướp giật 01 điện thoại di động hiệu OPPO A93 trị giá 1.500.000đ do cháu Võ Bảo Ch đang quản lý, sử dụng khi cháu Ch chưa đủ 16 tuổi. Hành vi của bị cáo vi phạm pháp luật hình sự, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an tại địa phương.

Như vậy đã có đủ cơ sở kết luận bị cáo Nguyễn Minh T phạm tội “*Cướp giật tài sản*”; tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm g khoản 2 điều 171 Bộ luật hình sự như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện B đã truy tố.

Hành vi phạm tội của bị cáo thể hiện sự coi thường pháp luật, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an tại địa phương.

Bị cáo nhận thức và biết được rằng hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật hình sự, bị cáo đã có tiền án, tiền sự, nhân thân xấu nhưng không lấy đó bài học cho mình mà vẫn cố ý phạm tội với động cơ tư lợi cá nhân. Vì vậy, cần thiết phải áp dụng cho bị cáo một mức hình phạt nghiêm khắc, tương xứng với hành vi phạm tội mà bị cáo gây ra, đủ để răn đe, cải tạo, giáo dục và phòng ngừa tội phạm chung.

Trong vụ án, anh Trần Đức T1 có hành vi mua điện thoại do bị cáo phạm tội mà có, tuy nhiên khi mua anh T1 không biết về nguồn gốc, do đó Cơ quan CSĐT không xử lý hình sự, là có căn cứ.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo có tiền án về tội Trộm cắp tài sản, chưa được xóa án tích lại phạm tội mới nên áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 điều 51 Bộ luật hình sự để xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

[5] Về xử lý vật chứng:

Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Cơ quan CSĐT Công an huyện B đã trả lại 01 điện thoại di động hiệu OPPO A93 cho chủ sở hữu hợp pháp là anh Võ Thành Tr. Anh Võ Thành Tr đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

- Cơ quan CSĐT Công an huyện B đã trả lại 01 xe mô tô hiệu Yamaha Mio, biển kiểm soát 49M6-1154 và giấy đăng ký xe cho chủ sở hữu là bà Đặng Thị Bích H. Bà Đặng Thị Bích H đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

- Cơ quan CSĐT Công an huyện B đã trả lại số tiền 920.000đ cho anh Trần Đức T1. Anh Trần Đức T1 đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[6] Về án phí: Căn cứ vào Điều 135 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về “*Mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án*” buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Minh T phạm tội “*Cướp giật tài sản*”.

Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Minh T 05 (năm) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 08/01/2022.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Cơ quan CSĐT Công an huyện B đã trả lại 01 điện thoại di động hiệu OPPO A93 cho chủ sở hữu hợp pháp là anh Võ Thành Tr. Anh Võ Thành Tr đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

- Cơ quan CSĐT Công an huyện B đã trả lại 01 xe mô tô hiệu Yamaha Mio, biển kiểm soát 49M6-1154 và giấy đăng ký xe cho chủ sở hữu là bà Đặng Thị Bích H. Bà Đặng Thị Bích H đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

- Cơ quan CSĐT Công an huyện B đã trả lại số tiền 920.000đ cho anh Trần Đức T1. Anh Trần Đức T1 đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

3. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Minh T phải chịu 200.000đ (*Hai trăm ngàn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Bị cáo; bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay (17/5/2022), người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhân:

- TAND, VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND, CA huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- Bị cáo, những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Nguyễn Đức Trường